SAO Y; Hội đồng nhân dân tỉnh; Thời gian ký: 04-12-2023 17:28:25 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 29 /2023/NQ-HĐND	*Long An, ngày 01 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Thông tư số 02/2023/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 3379/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 1265/BC-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2023 của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 13 (kỳ họp lệ cuối năm 2023) thông qua ngày 01 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:
- UB Thường vụ Quốc hội (B/c);
- Chính phủ (B/c);
- VP. Quốc hội, VP.CP (TPHCM) (B/c);
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH (B/c);
- Các Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội; Tài Chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Lao động - TB và XH;
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBND tỉnh; UBMTTQ VN tỉnh;
- Các Sở ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- Các Phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng Công báo tỉnh);
- Lưu: VT (Tr).(11)

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Nguyễn Văn Được

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 29 /2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn tỉnh Long An; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo (gọi chung là hộ).

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

3. Tổ chức và cá nhân liên quan.

Điều 3. Nguồn vốn thực hiện

Nguồn vốn ngân sách nhà nước, bao gồm: Nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh, huyện, xã.

Nguồn vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Chương II
NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 4. Mức hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ chung

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một dự án trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng

bãi ngang, ven biển; Hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia. Mức hỗ trợ cụ thể tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án.

b) Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng chi phí thực hiện một dự án trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển; hỗ trợ tối đa không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia. Mức hỗ trợ cụ thể tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án.

c) Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ thực hiện theo khoản 3 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023.

2. Mức hỗ trợ cụ thể

Mức hỗ trợ cụ thể cho từng hộ tham gia dự án theo quy định tại khoản 1 Điều này tối đa không quá 30 triệu đồng/hộ.

Điều 5. Hỗ trợ đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

1. Nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Chi đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm đối với hỗ trợ sản xuất cộng đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường cho người tham gia dự án thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh về việc ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND) và Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh (sau đây được viết tắt là Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND).

Đối với khoản chi hỗ trợ tiền ăn trong thời gian học tập trung tối đa bằng mức phụ cấp lưu trú: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 55/2023/TT-BTC).

Riêng chi xây dựng, biên soạn tài liệu trong một số trường hợp đặc thù thực hiện như sau:

- Chi xây dựng, biên soạn tài liệu phục vụ các lớp đào tạo bồi dưỡng, tập huấn có thời gian dưới 05 ngày:

Tiền công viết tài liệu: 70.000 đồng/trang chuẩn (trang A4, thể thức, kỹ thuật trình bày theo quy định hiện hành đối với văn bản hành chính);

Tiền công sửa chữa, biên tập tổng thể: 40.000 đồng/trang chuẩn;

Tiền công thẩm định và nhận xét: 30.000 đồng/trang chuẩn;

- Chi số hóa tài liệu trong trường hợp đào tạo, bồi dưỡng từ xa: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2022 của HĐND tỉnh về quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Long An.

b) Chi chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý, chất lượng đồng bộ theo chuỗi; quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm: Mức hỗ trợ theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trong phạm vi mức hỗ trợ của dự án và dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

c) Việc mua sắm thuốc, trang thiết bị, vật tư, hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng tài sản: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu; đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; xây dựng, công nghệ thông tin; quản lý, sử dụng tài sản công và quy định pháp luật có liên quan trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Riêng đối với dự án được hỗ trợ theo cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hoặc hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện như sau:

Trường hợp đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ giao kinh phí từ ngân sách nhà nước cho chủ trì liên kết, đại diện cộng đồng thực hiện, việc mua sắm theo quy định tại Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền và hợp đồng đã ký kết với đơn vị được giao vốn thực hiện dự án; chủ trì liên kết, người đại diện cộng đồng tự thực hiện việc mua sắm; đơn vị được giao vốn thực hiện dự án lưu giữ chứng từ liên quan trong việc thực hiện dự án để thanh quyết toán theo quy định;

Trường hợp đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trực tiếp thực hiện việc mua sắm theo quy định tại Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền, đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tổ chức đấu thầu thực hiện việc mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu và bàn giao sản phẩm, dịch vụ cho chủ trì liên kết, đại diện cộng đồng theo hợp đồng đã ký kết với chủ trì liên kết, đại diện cộng đồng;

Đối với mua sắm giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án: Đơn giá thu mua sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tính theo giá thị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán với người dân.

Chi hội thảo trong nước, chi các hoạt động mang tính chất nghiên cứu khoa học thuộc Chương trình: Nội dung và mức chi thực hiện theo Nghị quyết quy định định mức xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ: thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh.

đ) Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết
lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm: Mức hỗ trợ theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trong phạm vi mức hỗ trợ của dự án và dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

e) Xây dựng, quản lý dự án: chi phí lựa chọn dự án (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoặc kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất. Mức hỗ trợ không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung và mức chi cụ thể thực hiện theo theo quy định sau:

Chi lập và xây dựng, họp hội đồng thẩm định lựa chọn dự án: Nội dung và mức chi thực hiện theo Nghị quyết quy định định mức xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Chi khảo sát, xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện, đối tượng tham gia dự án: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh về việc quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Long An;

Chi triển khai, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Long An (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND).

Chi khác về quản lý dự án (nếu có): Mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và theo thực tế phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định.

2. Nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

a) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm: thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 5 quy định này.

b) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi: thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 5 quy định này.

c) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm: thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh.

d) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ: thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 5 quy định này.

đ) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình tư vấn, hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả gồm:

Chế độ công tác phí: thực hiện theo Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND.

Hỗ trợ cho cán bộ (ngoài tiền công tác phí theo chế độ quy định): 40.000 đồng/người/buổi thực địa.

e) Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.

- Chi công tác phí cho cán bộ, thuê xe, tiền ăn, tiền thuê phòng ngủ (nếu có): thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND.

- Chi tiền công cho báo cáo viên: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND.

g) Xây dựng, quản lý dự án: Mức hỗ trợ không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án, mô hình, kế hoạch, phương án sản xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung và mức chi cụ thể theo quy định tại điểm e khoản 1, Điều 5 quy định này.

3. Nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

a) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm: thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 5 quy định này.

b) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi: theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 5 quy định này.

c) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ: thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh.

d) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 5 quy định này.

đ) Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường: thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 5 quy định này.

e) Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết
lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực hiện theo quy định điểm đ khoản 1, Điều 5 quy định này.

g) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả: thực hiện theo điểm đ khoản 2 Điều 5 quy định này.

h) Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao: thực hiện theo điểm e khoản 2 Điều 5 quy định này.

i) Xây dựng, quản lý dự án: Mức hỗ trợ không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án, mô hình, kế hoạch, phương án sản xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung và mức chi cụ thể theo quy định tại điểm e khoản 1, Điều 5 quy định này.

Điều 6. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

1. Nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp

a) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật: thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 5 quy định này.

b) Hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyển giao kỹ thuật theo các lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT): thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 5 quy định này.

c) Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT: thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 quy định này và Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Long An.

d) Xây dựng, quản lý dự án: Mức hỗ trợ không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung và mức chi cụ thể theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 5 quy định này.

2. Nội dung và mức hỗ trợ phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng

a) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật: thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 5 quy định này.

b) Hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyển giao kỹ thuật, kiến thức sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng, sản xuất nông nghiệp an toàn, sử dụng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng theo tài liệu hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 5 quy định này.

c) Hỗ trợ theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT: thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 quy định này và Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Long An.

d) Hỗ trợ vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất trong sơ chế, chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm để nâng cao giá trị nông sản, an toàn thực phẩm và đảm bảo dinh dưỡng: thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 5 quy định này.

đ) Xây dựng, quản lý dự án: Mức hỗ trợ không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung và mức chi cụ thể theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 5 quy định này.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đã, đang triển khai các thủ tục để hỗ trợ trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định của giai đoạn trước. Đối với các dự án triển khai các thủ tục hỗ trợ sau khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì mức hỗ trợ được áp dụng theo Quy định này.

2. Trường hợp văn bản được viện dẫn tại Quy định này khi có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Nguyễn Văn Được